

Số: 236 /TB-TCYT

Hòa Bình, ngày 03 tháng 12 năm 2019.

THÔNG BÁO

Về việc Công bố cơ sở đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về Dược

Căn cứ Luật dược 105/2016/QH13, ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định 54/2017/NĐ-CP, ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược (sau đây gọi là Nghị định 54/2017/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP, ngày 12/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế (sau đây gọi là Nghị định 155/2018/NĐ-CP);

Sau khi nghiên cứu và hoàn thiện đầy đủ các hồ sơ về để đảm bảo đúng các quy định của cơ sở đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về dược quy định tại Nghị định 54/2017/NĐ-CP và Nghị định số 155/2018/NĐ-CP của Chính Phủ. Trường Trung cấp Y tế Hòa Bình thông báo về việc Công bố cơ sở đủ điều kiện đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về dược trên địa bàn tỉnh Hòa Bình như sau:

1. Tên cơ sở được công bố: Trường Trung cấp Y tế Hòa Bình.
2. Địa chỉ: Số 195, đường Cù Chính Lan, phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.
3. Điện thoại: 02183.895.433. Website: <http://www.truongytehoabinh.edu.vn>
4. Phạm vi đào tạo cập nhật kiến thức chuyên môn về dược: Kiến thức chuyên ngành, pháp luật và quản lý chuyên môn về dược cho các đối tượng người học là đại học dược, cao đẳng dược, trung cấp dược.
5. trách nhiệm của cơ sở đào tạo:
 - a) Cơ sở chỉ được triển khai đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về dược sau khi được công bố công khai theo quy định và tổ chức triển khai hoạt động đào tạo, cập nhật theo chương trình đã công bố.

b) Đánh giá và cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về Dược cho người học theo Mẫu số 12 tại Phụ lục I, ban hành kèm theo Nghị định 54/2017/NĐ-CP.

(Có hồ sơ công bố về chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, nhóm giảng viên kèm theo)

Trường Trung cấp Y tế Hòa Bình trân trọng Thông báo tới các tổ chức, cá nhân có liên quan và có nhu cầu được biết để phối hợp thực hiện./.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu;
- Sở LĐTB&XH (thay báo cáo);
- Sở Y tế (thay báo cáo);
- Các TTYT huyện/thành phố;
- Các phòng Y tế huyện/thành phố;
- Website nhà trường;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



[Handwritten signature]
Nguyễn Anh Hùng



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, CẬP NHẬT KIẾN THỨC CHUYÊN MÔN VỀ DƯỢC

1. Tên khóa học: Đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về Dược.

2. Chương trình và nội dung đào tạo

TT	Nội dung	Đối tượng trung cấp, cao đẳng (số tiết)	Đối tượng đại học (số tiết)
	Kiến thức chuyên ngành		
01	Hướng dẫn sử dụng kháng sinh đường uống.	04	04
02	Hướng dẫn sử dụng các thuốc điều trị bệnh tim mạch, lợi tiểu dạng uống.	02	04
03	Hướng dẫn sử dụng các thuốc điều trị bệnh đái tháo đường dạng uống.	02	04
	Pháp luật và quản lý chuyên môn về Dược		
01	Luật số 105/2016-QH13 ngày 6/4/2016 của Quốc hội về Luật Dược.	02	02
02	Nghị định 54/2017/NĐ-CP, ngày 08/05/2017 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.	03	03
03	Quy định về kê đơn trong điều trị ngoại trú và danh mục thuốc không kê đơn.	03	03
Tổng số		16	20

3. Đối tượng, yêu cầu đầu vào đối với học viên

Học viên là người có bằng Đại học Dược, Cao đẳng Dược, trung cấp Dược công tác tại các cơ sở y tế/ cơ sở kinh doanh, sản xuất dược công lập, tư nhân và các đối tượng khác có nhu cầu.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

NGƯỜI HƯỚNG DẪN THAM GIA ĐÀO TẠO, CẬP NHẬT KIẾN THỨC CHUYÊN MÔN VỀ DƯỢC
CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO, CẬP NHẬT KIẾN THỨC CHUYÊN MÔN VỀ DƯỢC

1. Tên cơ sở: Trường Trung cấp Y tế Hòa Bình.
2. Địa chỉ: Số 195, đường Cù Chính Lan, phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.
3. Điện thoại: 02183.895.433.
4. Website: <http://www.truongytehoabinh.edu.vn>
5. Danh sách người hướng dẫn:

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí/ Đơn vị Công tác	Trình độ chuyên môn	Nội dung giảng dạy
1	Lê Thanh Hòa	10/01/1972	Trưởng phòng QLHNYD, Sở Y tế	Bác sỹ CKII	- Luật dược số 105/2016-QH13 ngày 6/4/2016.
2	Đoàn Mạnh Thắng	02/07/1971	Phó phòng QLHNYD, Sở Y tế	Dược sỹ Đại học	- Nghị định 54/2017/NĐ-CP, ngày 08/05/2017 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược,...
3	Bùi Thị Thu Hoài	20/01/1973	Trưởng phòng nghiệp vụ dược, Sở Y tế	Thạc sỹ	- Thông tư quy định về kê đơn trong điều trị ngoại trú và danh mục thuốc không kê đơn

4	Bùi Thị Duyên	24/08/1980	Phó phòng nghệ vụ dược, Sở Y tế	Thạc sĩ	
5	Vũ Tài Thắng	12/12/1980	Phòng tổ chức cán bộ, Sở Y tế	Dược sỹ Đại học	
6	Cần Cao Sơn	22/12/1985	Khoa Dược, BVĐK tỉnh Hòa Bình	Dược sỹ Đại Học	- Hướng dẫn sử dụng kháng sinh đường uống - Hướng dẫn sử dụng các thuốc điều trị bệnh tim mạch, lợi niệu dạng uống. - Hướng dẫn sử dụng các thuốc điều trị bệnh đái tháo đường dạng uống
7	Hà Kim Khoa	22/08/1975	TBM YHCS&LS, Trường TCYT Hòa Bình	Dược sỹ CKI	
8	Hồ Thị Hồng Nhung	28/05/1983	TBM YHCS&LS, Trường TCYT Hòa Bình	Dược sỹ Đại học	

Hòa Bình, ngày 03 tháng 12 năm 2019.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Anh Hùng



SỞ Y TẾ TỈNH HÒA BÌNH
TRƯỜNG TRUNG CẤP Y TẾ HÒA BÌNH

**BẢNG KÊ KHAI CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO,
CẬP NHẬT KIẾN THỨC CHUYÊN MÔN VỀ DƯỢC**

I. Cơ cấu tổ chức

1. Ban Giám hiệu

Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng.

2. Các Hội đồng tư vấn

- Hội đồng đào tạo;
- Hội đồng Khoa học kỹ thuật;
- Hội đồng đào tạo liên tục;
- Hội đồng biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng chương trình, giáo trình;
- Hội đồng tuyển sinh;
- Hội đồng thi đua khen thưởng và kỷ luật,...

3. Các phòng chức năng

- Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị;
- Phòng Đào tạo & NCKH;
- Phòng Công tác học sinh;
- Phòng Tài chính- kế toán.

4. Các Tổ Bộ môn

- Tổ Bộ môn Y học cơ sở & Lâm sàng;
- Tổ Bộ môn Điều dưỡng;
- Tổ Bộ môn Bảo vệ vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em và KHHGD;
- Tổ Bộ môn Y tế công cộng.

5. Các ngành nghề đào tạo

5.1. Hệ trung cấp

- Dược sỹ;
- Y sỹ đa khoa;
- Y sỹ Y học cổ truyền;
- Điều dưỡng;

- Hộ sinh;
- Dân số y tế.

5.2. Hệ sơ cấp

- Dược tá;
- Y tế thôn bản;
- Cô đỡ thôn bản;
- Quản lý điều dưỡng;
- Định hướng Y học cổ truyền
- Bồi dưỡng nghiệp vụ Dân số - KHHGD
- Hộ lý - Y công;
- Hộ lý - Xuất khẩu lao động;
- Chuyển đổi Y sỹ - Điều dưỡng.

5.3. Đào tạo liên tục:

Thực hiện đào tạo liên tục theo Thông tư 22/2013/TT-BYT, ngày 09/8/2013 của Bộ Y tế hướng dẫn đào tạo liên tục trong lĩnh vực y tế: hơn 20 mã đào tạo.

6. Cơ sở vật chất, thư viện, thiết bị đào tạo:

a) Cơ sở vật chất:

Tổng diện tích mặt bằng của Trường: 7.890 m².

* Diện tích đã xây dựng nhà: 3.189,85 m², diện tích sử dụng bao gồm:

- + Hội trường đa chức năng: 350 chỗ ngồi, diện tích: 512m²;
- + Nhà làm việc của Ban Giám hiệu, các phòng, tổ bộ môn: 491,77m²;
- + Nhà học lý thuyết (03 tầng) gồm: 03 phòng, diện tích: 291,750m²;
- + Nhà học thực hành (03 tầng) gồm 07 phòng học, diện tích: 500,246m²;
- + Phòng máy học vi tính: 01, diện tích: 56,16m², với 25 máy tính;
- + Phòng thư viện: 264m²; với 5.441 đầu sách, báo, tạp chí;
- + Hai nhà ký túc xá 2, 3 tầng: diện tích 2.067,43m², gồm 46 phòng với 360 chỗ ở và sinh hoạt cho học sinh;
- + Nhà ăn của học sinh: 249,78 m²;
- + Vườn thuốc nam: có đầy đủ cây thuốc mẫu theo quy định.

b) Thiết bị, dụng cụ đào tạo:

Máy móc và trang thiết bị của trường phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập gồm có:

+ Các phòng thực hành: Trang thiết bị đầy đủ theo quy định của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế đối với các đối tượng đào tạo.

+ Thiết bị dạy và học đảm bảo đầy đủ và hiện đại như: Máy chiếu Overhead, Projector, máy chiếu Slide, máy chiếu vật thể, đầu video, Camera, máy ảnh kỹ thuật số, máy photocopy siêu tốc, máy photocopy kỹ thuật số.

+ Phòng máy và các thiết bị tin học: có 25 máy dùng cho học sinh thực tập và 37 máy (trong đó 11 máy tính xách tay) dùng cho công việc giảng dạy, hành chính, văn phòng, các Tổ Bộ môn và đã được nối mạng Internet phục vụ cho công tác dạy và học của nhà trường.

- Các thiết bị phục vụ giảng dạy: 03 máy chiếu Overhead; 13 máy Projector; 01 máy chiếu vật thể; 01 máy chụp ảnh; 01 đầu Video.

- Danh mục trang thiết bị, dụng cụ các phòng thực hành được:

TT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
I. PHÒNG THỰC HÀNH THỰC VẬT DƯỢC			
1.	Phiên kính	Cái	20
2.	Lamen	Cái	100
3.	Kim mũi móc nhỏ	Cái	10
4.	Ống hút nhỏ giọt (pipet paster + nút cao su)	Cái	10
5.	Bình tia nước 500ml	Cái	10
6.	Mặt kính đồng hồ $\Phi 8$	Cái	15
7.	Khay quả đậu	Cái	8
8.	Dụng cụ cắt tiêu bản	Cái	2
9.	Đèn cồn + giá để đèn cồn	bộ	4
10.	Cốc có mỏ 250ml	Cái	4
11.	Coi thủy tinh (chậu thủy tinh $\Phi 24$)	Cái	8
12.	Kẹp gỗ	Cái	10
13.	Quả bóp cao su	Cái	8
14.	Cân kỹ thuật cơ 200g	Bộ	8
15.	Cân kỹ thuật cơ 500g	bộ	8
16.	Bình lắng gạn 60ml	Cái	8
17.	Ống nghiệm 10mm x 10cm	Cái	130
18.	Pipet chia vạch 2ml	Cái	8
19.	Pipet chia vạch 5ml	Cái	8
20.	Bình nước cất 20 lít (Thủy tinh 20L có	Cái	2

TT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	vòi)		
21.	Khay men chữ nhật 22x32	Cái	8
22.	Hộp nhựa đựng dược liệu	Cái	100
23.	Lọ thủy tinh có ống hút 125ml	Cái	20
24.	Bồn rửa Y tế INOX	Cái	1
25.	Bàn thí nghiệm TT	Cái	2
26.	Giá để dếp INOX	Cái	1
27.	Ghế INOX	Cái	19
28.	Kính hiển vi	Cái	05
II. PHÒNG THỰC HÀNH KIỂM NGHIỆM			
29.	Buret 25ml	Cái	10
30.	Giá để Buret	Cái	10
31.	Phễu lọc sứ Φ10	Cái	8
32.	Giá để phễu lọc	Cái	8
33.	Đèn cồn	bộ	8
34.	Lưới amiang	Cái	8
35.	Coi thủy tinh (coi không nắp φ 24	Cái	6
36.	Kẹp gỗ	Cái	10
37.	Cối chàyr sứ Φ20	Cái	8
38.	Bình nước cất 20 lít (Thủy tinh 20L có vòi)	Cái	1
39.	Khay men	Cái	10
40.	Giá để ống nghiệm Φ10 inox	Cái	6
41.	Cốc chân 250ml	Cái	8
42.	Cốc chân 50ml	Cái	8
43.	Cốc có mỏ 250ml	Cái	8
44.	Cốc có mỏ 100ml	Cái	8
45.	Bình định mức 100ml	Cái	17
46.	Bình nón 250ml	Cái	21
47.	Ống đong 100ml	Cái	5
48.	Ống đong 5ml hoặc 10ml	Cái	8

TT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
49.	Ống nghiệm 18 x18 cm	Cái	128
50.	Pipet chính xác 1ml	Cái	4
51.	Pipet chính xác 5ml	Cái	4
52.	Pipet chính xác 10ml	Cái	8
53.	Pipet chính xác 20ml	Cái	4
54.	Pipet thẳng 5ml	Cái	8
55.	Pipet thẳng 2ml	Cái	8
56.	Đũa thủy tinh	Cái	2
57.	Bình tia nước 500ml	Cái	8
58.	Lọ thủy tinh đựng hóa chất	Cái	47
59.	Ghế đầu xoay inox	Cái	18
60.	Bàn thí nghiệm TT	Cái	2
III. PHÒNG THỰC HÀNH BÀO CHẾ			
61.	Tủ thuốc độc	Chiếc	1
62.	Alcol kế từ 0 ⁰ - 100 ⁰	Cái	8
63.	Bình nước cất 20 lít (Thủy tinh 20L có vôi)	Cái	1
64.	Bình tia nước	Cái	16
65.	Cân kỹ thuật cơ 200g	Bộ	8
66.	Cân kỹ thuật cơ 500g	Bộ	8
67.	Cốc có chân 250ml	Cái	8
68.	Cốc có mỏ 100ml	Cái	15
69.	Cốc có mỏ 250ml	Cái	8
70.	Cối chàyr sứ Φ10	Bộ	16
71.	Dao vét	Cái	8
72.	Đũa thủy tinh	Cái	16
73.	Giá cầm dụng cụ	Cái	4
74.	Giá đỡ phễu lọc	Cái	8
75.	Khay men nhỏ	Cái	2
76.	Khay men to	Cái	8
77.	Lưới amiang	Cái	10

TT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
78.	Mặt kính đồng Φ8 → Φ12	Cái	16
79.	Nhiệt kế bách phân	Cái	8
80.	Ống đong 100ml	Cái	7
81.	Ống đong 250ml	Cái	8
82.	Pipet	Cái	6
83.	Phễu lọc thủy tinh Φ8 → Φ10	Cái	8
84.	Rây Inox các cỡ	Cái	18
85.	Lọ đựng thủy tinh đựng hóa chất	Cái	50
86.	Ống đong 50ml	Cái	8
87.	Bồn rửa Y tế INOX	Cái	1
IV. PHÒNG HÓA DƯỢC – DƯỢC LÝ			
88.	Phễu thủy tinh các loại	Chiếc	11
89.	Bình nút mài 10l	Chiếc	1
90.	Ống nghiệm	Chiếc	20
91.	Bình nón nút mài (100+250)	Chiếc	16
92.	Bures màu	Chiếc	2
93.	Giá đỡ Bures	Chiếc	2
94.	Giá đựng ống nghiệm	Chiếc	2
95.	Bình nón 250ml	Chiếc	25
96.	Bình định mức dây (330ml)	Chiếc	8
97.	Bát sứ	Cái	5
98.	Cân kỹ thuật	Cái	8
99.	Chén sứ	Cái	8
100.	Cốc có mỏ 100ml	Cái	8
101.	Cốc có mỏ 250ml	Cái	8
102.	Đèn cồn	Cái	8
103.	Ống đong 5ml	Cái	8
104.	Ống hút	Cái	4
105.	Ống nghiệm 18x18	Giá	4
106.	Ống nhỏ giọt	Cái	8
107.	Pipet thẳng 10ml	Cái	8

TT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
108.	Pipet thẳng 1ml	Cái	8
109.	Pipet thẳng 2ml	Cái	8
110.	Pipet thẳng 5ml	Cái	8
111.	Quả bóp cao su	Quả	8
112.	Tấm sứ 6 lỗ	Cái	8
113.	Bồn rửa Y tế INOX	Cái	1
114.	Ghế INOX	Cái	23
V. PHÒNG HÓA PHÂN TÍCH			
Hóa phân tích định tính			
115.	Ống nghiệm sạch (mỗi giá có 36 ống nghiệm)	Giá	6
116.	Kẹp gỗ	Cái	12
117.	Lưới amiang	Cái	2
118.	Đèn cồn	Cái	12
119.	Bình tia nước	Cái	12
120.	Bình nước cất 20 lít (Thủy tinh 20L có vòi)	Bình	1
Hóa phân tích định lượng			
121.	Bình định mức 50ml	Cái	12
122.	Bình định mức 100ml	Cái	12
123.	Pipet bầu 1ml	Cái	12
124.	Pipet bầu 5ml	Cái	12
125.	Pipet bầu 10ml	Cái	12
126.	Pipet thẳng 1ml	Cái	12
127.	Pipet thẳng 2ml	Cái	12
128.	Pipet thẳng 5ml	Cái	12
129.	Cốc có mỏ 250ml	Cái	12
130.	Cốc chân 250ml	Cái	12
131.	Bình nón nút mài 250ml	Cái	12
132.	Bình nón miệng rộng 250ml	Cái	12
133.	Ống đong 5ml	Cái	12

TT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
134.	Ống đong 50ml	Cái	12
135.	Ống đong 100ml	Cái	12
136.	Đũa thủy tinh	Cái	12
137.	Buret 25ml	Cái	12
138.	Bình tia nước	Cái	12
139.	Bình nước cất 20 lít-(Thủy tinh 20L có vòi)	Bình	1
140.	Bồn rửa Y tế INOX	Cái	1
141.	Bàn thí nghiệm TT	Cái	2
142.	Cân phân tích 4 số phân PA214	Cái	1
VI. QUẦY BÁN THUỐC			
143.	Điều hòa Panasonic (cũ)	Bộ	
144.	Tủ lạnh FUNIKI	Bộ	
145.	Công cụ dụng cụ		
146.	Bình cứu hỏa	Chiếc	
147.	Đồng hồ đo độ ẩm, nhiệt độ	Chiếc	
148.	Tủ quây sắt kính	Chiếc	
149.	Tủ treo tường Sắt kính	Chiếc	
150.	Tủ bày hàng nhôm kính	Chiếc	
151.	Ghế xoay	Chiếc	
VII. PHÒNG THỰC HÀNH DƯỢC			
152.	Quạt trần	Chiếc	4
153.	Tủ tài liệu	Chiếc	1
154.	Lọ nút mài 1000ml	Chiếc	5
155.	Lọ nút mài trắng 1000ml	Chiếc	2
156.	Lọ nút màu (màu + trắng)	Chiếc	23
157.	Bình nón có nhánh	Chiếc	1
158.	Ống đong các loại (2+5+20ml)	Chiếc	2
159.	Đèn cồn	Chiếc	6
160.	Pipet các loại	Chiếc	38
161.	Đũa thủy tinh	Chiếc	6

TT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
162.	Ống đong chia vạch (400+500ml)	Chiếc	2
163.	Alcon kế	Chiếc	6
164.	Pipeét có bầu (10+50ml)	Chiếc	7
165.	Bình thủy tinh có vòi	Chiếc	1
166.	Bình thủy tinh miệng bé	Chiếc	1
167.	Bình nón không chia vạch	Chiếc	1
168.	Bình nón có vòi	Chiếc	1
169.	Bình nón (100ml)	Chiếc	1
170.	Tio dẫn nước (5m)	m	5
171.	Ghế xoay Inox	Chiếc	16
172.	Khay nhôm	Chiếc	2
173.	Chậu nhôm to	Chiếc	2
174.	Môi nhôm, INox	Chiếc	4
175.	Can nhựa 10l	Chiếc	1

7. Các cơ sở thực hành

* Khoa Dược và Nhà thuốc Bệnh viện của: Bệnh viện đa khoa tỉnh Hoà Bình; Bệnh viện Y học cổ truyền; Trung tâm Y tế các Huyện, Thành phố (11 trung tâm) và các Nhà thuốc trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

* Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm.

* Công ty cổ phần Dược và trang thiết bị y tế.